



Oficina Consular
Embajada de la República de Cuba en Vietnam

Tasa Aplicada/ Phí Áp dụng: 27 000 VND = 1 USD

SERVICIOS CONSULARES/ DỊCH VỤ LÃNH SỰ	PRECIO (VND)
Trámite no Personal/ Thủ tục không cần đến nộp hồ sơ trực tiếp-----	810 000
VISAS:	
Visa de Turista/ Visa Du Lịch-----	810 000
Visa de residentes temporales y permanentes/ Visa cho cư trú tạm thời và vĩnh viễn	
- Trámite Personal-----	2 835 000
- Trámite No Personal-----	3 645 000
PASAPORTE:	
Solicitud de Pasaportes para mayores de 16 años-----	5 400 000
Solicitud de Pasaportes para menores de 16 años-----	4 320 000
Por el envío a través de DHL-----	1 500 000
Solicitud de Documento de Viaje y Tránsito-----	810 000
Expedición de Documento de Viaje y Tránsito-----	3 240 000
Expedición de Carnet de Inscripción Consular-----	810 000
Cambio de Categoría Migratoria a Residente en el Exterior-Solicitud-----	2 430 000
Cambio de Categoría Migratoria a Residente en el Exterior-Otorgamiento-----	810 000
CIUDADANÍA:	
Solicitud de Adquisición de la Ciudadanía Cubana-----	000
Otorgamiento de la Ciudadanía Cubana-----	000



Oficina Consular
Embajada de la República de Cuba en Vietnam

Tasa Aplicada/ Phí Áp dụng: 27 000 VND = 1 USD

SERVICIOS CONSULARES/ DỊCH VỤ LÃNH SỰ	PRECIO (VND)
NACIMIENTO, MATRIMONIO Y DEFUNCIÓN:	
Realización de Matrimonio ante funcionario consular-----	5 670 000
Transcripción de Matrimonio realizada ante notario extranjero-----	4 860 000
Transcripción de Nacimiento-----	000
Transcripción de Defunción-----	000
NOTARIAL/ CÔNG CHỨNG:	
Declaración Extendida por Funcionario Consular/ Tuyên bố xác nhận của Cán bộ Lãnh sự-----	2 970 000
Declaración Jurada y otras actas notariales/ Bản Tuyên thệ và các biên bản công chứng khác-----	2 970 000
Autorizo para confección de pasaporte-----	4 050 000
Autorizo para viajar-----	4 320 000
Poder Especial/ Giấy ủy quyền đặc biệt-----	4 320 000
Poder Especial a partir de la segunda copia (50% de su valor original)/ Giấy ủy quyền đặc biệt (từ bản sao thứ hai trở đi) (50% phí cấp bản gốc)-----	2 160 000
Revocación de Poder Especial (50% de su valor original)/ Hủy Giấy ủy quyền đặc biệt (50% phí cấp bản gốc)-----	1 620 000
Poder General/ Giấy ủy quyền Chung-----	5 940 000
Poder General a partir de la segunda copia (50% de su valor original)/ Giấy ủy quyền chung (từ bản sao thứ hai trở đi) (50% phí cấp bản gốc)-----	2 970 000
Revocación de Poder General (50% de su valor original)/ Hủy Giấy ủy quyền chung (50% phí cấp bản gốc)-----	2 025 000
Registro o Protocolización de cualquier documento-----	3 240 000
Escritura de Renuncia a la Herencia-----	4 050 000



Oficina Consular
Embajada de la República de Cuba en Vietnam

Tasa Aplicada/ Phí Áp dụng: 27 000 VND = 1 USD

SERVICIOS CONSULARES/ DỊCH VỤ LÃNH SỰ	PRECIO (VND)
TRADUCCIÓN/ DỊCH THUẬT:	
Traducción de documentos del idioma español al vietnamita (por hoja)/ Dịch tài liệu từ tiếng Tây Ban Nha sang tiếng Việt (theo trang)-----	1 350 000
Traducción de documentos del idioma vietnamita al español (por hoja)/ Dịch tài liệu từ tiếng Việt sang tiếng Tây Ban Nha (theo trang)-----	1 080 000
SOLICITUD DE DOCUMENTOS DE CUBA/ GIẤY TỜ CẤP TỪ CUBA:	
Solicitud de Documentos a Cuba/ Yêu cầu giấy tờ cấp từ Cuba-----	810 000
Otorgamiento de documentos registrales solicitados a Cuba (nacimiento, fe de soltería, matrimonio, defunción, divorcio) / Cấp các giấy tờ từ Cuba ((giấy khai sinh, giấy xác nhận độc thân, giấy kết hôn, giấy chứng tử, giấy ly hôn))-----	2 970 000
Otorgamiento de Antecedentes penales/hồ sơ tội phạm-----	2 970 000
OTROS:	
Servicios prestados fuera de la Oficina Consular/ Dịch vụ khác ngoài các dịch vụ trên-----	810 000
Servicios prestados fuera del horario y días de atención al público/ Dịch vụ ngoài giờ và không trong ngày làm việc của văn phòng lãnh sự-----	Doble del precio del servicio